

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày 26-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 và **Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 196/TB-TA ngày 05 tháng 6 năm 2024**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Khoa Mạnh H sinh năm 1971; nơi cư trú: Đường T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hà M - Công ty Luật TNHH Một thành viên CMA; địa chỉ: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (Giấy uỷ quyền số 2007/CMA-UQ ngày 20/7/2023); có mặt;

- Bị đơn: Chị Trần Thị T sinh năm 1988 và anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1983; cùng nơi cư trú: Thôn 1, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Thông qua người quen giới thiệu và tin tưởng vợ chồng bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q nên trong khoảng thời gian từ ngày 20/11/2022 đến ngày 17/01/2023, ông Khoa Mạnh H có nhiều lần chuyển khoản cho vợ chồng bà T, ông Q vay tổng số tiền là 2.904.600.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 20/11/2022, chuyển khoản 02 lần tổng số tiền 460 triệu đồng từ số tài khoản 0939686868 mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) đến số tài khoản 0904135767 của bà Trần Thị T mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBbank). Sau khi chuyển khoản, bà T đã xác nhận qua zalo nhận đủ số tiền 460 triệu đồng. Theo thoả thuận giữa các bên thì thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất do các bên thoả thuận, ngày 30/11/2022 bà T chuyển khoản trả lãi số tiền là 6.740.000 đồng.

Ngày 01/12/2022, ông H tiếp tục chuyển cho bà T, ông Q vay số tiền là 1,4 tỷ đồng. Số tiền này được chuyển khoản từ số tài khoản của ông H đến số tài khoản của ông Nguyễn Văn Q theo số tài khoản do bà T gửi qua tin nhắn zalo. Sau khi ông H chuyển khoản thì bà T xác nhận qua tin nhắn zalo đã nhận được số tiền vay là 1.400.000.000đồng.

Ngày 01/12/2022, vợ chồng bà T ông Q có lập Hợp đồng cầm đồ và cam kết vay tiền để xác nhận tổng số tiền vay của ông H là 1.850.000.000đồng, thời hạn vay, lãi suất vay theo thoả thuận không ghi rõ trong giấy cho vay. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 2180803, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn Huyền, bà Phạm Thị Hồng Thao cho vợ chồng ông Q bà T. Để bảo đảm cho việc thế chấp, bảo đảm khoản vay, vợ chồng Q T có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông H và hợp đồng uỷ quyền công chứng số 1038 ngày 03/12/2022 cho ông H để làm thủ tục đăng ký biến động sang tên chủ sử dụng đất do nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông bà Huyền, Thao cho vợ chồng Q, T. Theo thoả thuận sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động, thì ông Q bà T sẽ làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông H để thực hiện biện pháp bảo đảm khoản vay đến khi bà T ông Q trả nợ xong.

Ngày 02/12/2022, ông H tiếp tục chuyển khoản cho bà T ông Q vay số tiền 990.000.000đồng từ số tài khoản 0939686868 mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) đến số tài khoản 0904135767 của Trần Thị T mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBbank). Sau khi ông H chuyển khoản xong thì bà T xác nhận qua zalo đã nhận được số tiền 1.000.000.000đồng, bao gồm: 990.000.000đồng chuyển khoản ngày 02/12/2022 và 10.000.000đồng nằm trong tổng số tiền vay

460.000.000đồng ngày 20/11/2022 chưa xác nhận vào Hợp đồng cầm đồ và cam kết vay tiền ngày 01/12/2022.

Ngày 18/12/2022, sau khi thoả thuận ông H tiếp tục chuyển khoản cho vợ chồng bà T ông Q vay số tiền 54.600.000 đồng để nộp tiền thuế nhà đất cho vợ chồng T, Q. Số tiền này ông H chuyển khoản từ số tài khoản 02111018689999 mở tại Ngân hàng mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) đến số tài khoản 19030241639026 của anh Đào Nam Hải (*người thực hiện thủ tục hành chính sang tên cho T, Q*) mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Sau khi ông H chuyển khoản số tiền này thì bà T đã xác nhận qua zalo là nhận đủ số tiền 54.600.000đồng.

Khi ông H đang làm thủ tục hành chính đăng ký biến động sang tên chủ sử dụng đất cho vợ chồng T, Q do nhận chuyển nhượng đất của ông Thạo, bà Huyền thì bà T ông Q huỷ giấy uỷ quyền đã uỷ quyền cho ông H.

Hai bên thống nhất thời hạn vay là một tháng kể từ ngày chuyển tiền và lãi suất do các bên thoả thuận.

Do không thực hiện được thoả thuận, ông H có nhiều lần đòi nợ thì đến ngày 17/01/2023 bà T có chuyển khoản trả cho ông H số tiền 1.000.000.000đồng. Sau đó ông H đã nhiều lần liên hệ, gọi điện yêu cầu bà T ông Q trả cho ông H toàn bộ số tiền nợ còn lại nhưng ông bà không trả.

T đến thời điểm hiện tại, số tiền nợ gốc bà T ông Q còn phải trả cho ông H là 2.904.600.000đồng (số tiền vay) – 1.000.000.000đồng (số tiền đã trả ngày 17/01/2023) = 1.904.600.000 đồng.

Ông H khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông bà T, Q phải trả cho ông H tổng số tiền là 2.178.549.315 đồng tạm T đến ngày 26/6/2024, gồm: Tiền nợ gốc là 1.904.600.000 đồng; Tiền lãi chậm trả cho số ngày chậm trả 366 ngày (tạm T từ ngày 18/01/2023 đến ngày 19/01/2024) với mức lãi suất 10%/năm là = 1.904.600.000 đồng (số tiền chậm trả) $\times$ (10%/365) $\times$ 525 (số ngày chậm trả) = 273.949.315 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là rút số tiền 17.100.000đồng là khoản phí dịch vụ hành chính nằm trong số tiền 54.600.000 đồng và yêu cầu Toà án buộc ông bà T, Q phải trả cho ông H tổng số tiền là 2.158.989.726 đồng T đến ngày 26/6/2024, gồm: Tiền nợ gốc là 1.887.500.000 đồng; tiền lãi chậm trả cho số ngày chậm trả 366 ngày (tạm T từ ngày 18/01/2023 đến ngày 26/6/2024) với mức lãi suất 10%/năm là = 1.887.500.000 đồng (số tiền chậm trả) $\times$ (10%/365) $\times$ 525 (số ngày chậm trả) = 271.489.726 đồng.

* Tại Bản tự khai vợ chồng bà T và ông Q thống nhất trình bày: Thông qua người quen giới thiệu ngày 20/11/2022 vợ chồng ông bà có vay của ông Khoa

Mạnh H số tiền 460.000.000đồng. Ngày 30/11/2022, bà T chuyển khoản trả lãi số tiền là 6.740.000 đồng. Do nhu cầu cần tiền nên ngày 01/12/2022 vợ chồng bà T, ông Q đã ký hợp đồng cầm cố và vay tiền của ông H xác nhận tổng số tiền vay cả cũ và mới là 1.850.000.000đồng.

Ngày 01/12/2022 do thiếu tiền nhập hàng nên bà T đã tiếp tục gọi điện vay của ông H số tiền 1.000.000.000đồng, ông H đồng ý và đã chuyển vào tài khoản bà T.

Ngày 03/12/2022 ông H yêu cầu vợ chồng ông bà phải đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thuý Mai để ký hợp đồng chuyển nhượng lô đất ở Gò Gai cho ông H (ký treo do lô đất chưa sang tên cho vợ chồng bà T ông Q). Hợp đồng chuyển nhượng này không có ngày cụ thể và không có công chứng viên ký làm chứng. Tại Văn phòng công chứng vợ chồng ông bà đã ký giấy uỷ quyền cho ông Khoa Mạnh H đứng ra làm thủ tục nộp giấy tờ và chỉ được rút bìa sau khi hồ sơ đã xong ở Sở Tài nguyên Môi trường.

Ngày 18/12/2022 ông H gửi cho bà T hình ảnh chuyển tiền cho anh Đào Hải Nam (nhân viên văn phòng công chứng) số tiền 54.600.000đồng nhưng ông H không nói rõ nộp thuế bao nhiêu và những khoản tiền gì. Sau khi nộp xong anh Nam chuyển cho bà T giấy chuyển tiền thuế số tiền 37.500.000đồng.

Đến ngày 17/01/2023 vợ chồng bà T ông Q đã trả cho ông H số tiền 1.000.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản.

Do không có tiền trả nợ nên bà T, ông Q đồng ý chuyển nhượng lô đất tại khu đô thị Phương Đông, Vân Đồn, Quảng Ninh với giá 2.700.000.000đồng cho ông Khoa Mạnh H. Trong đó tiền chuyển vào ngân hàng để rút bìa ra là 1.500.000.000đồng và tiền đối trừ công nợ là 1.200.000.000đồng. Số tiền chót đến thời điểm đó vợ chồng ông bà còn nợ ông H số tiền 650.000.000đồng. Đây là số tiền nợ gốc, vợ chồng ông bà cũng xin bớt lãi nhưng ông H không đồng ý. Toàn bộ thoả thuận giữa hai bên đều có bản ghi âm nhưng đến ngày xét xử bà T chưa cung cấp được cho Tòa án tài liệu chứng cứ nói trên.

Đối với số tiền 54.600.000đồng ông H chuyển cho anh Nam là nhân viên Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thuý Mai là tiền bà T vay đóng tiền thuế và lệ phí trước bạ sang tên nhà đất tại khu Gò Gai xã Thuỷ Sơn, huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng bà T không đồng ý và chỉ xác nhận số tiền đó là 36.000.000đồng.

Anh Đào Hải Nam nhân viên Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thuý Mai trình bày: Anh có nhận của ông Khoa Mạnh H số tiền 54.600.000đồng do ông H chuyển khoản cho anh để uỷ quyền làm dịch vụ sang tên bìa cho nhà ông Q và bà T. Sau khi nhận tiền anh có đóng thuế để sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị T số tiền 37.500.000đồng còn lại

17.100.000đồng anh vẫn đang cầm của ông H. Số tiền này anh sẽ tự giải quyết với ông H sau, không liên quan gì đến vợ chồng anh Q và chị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng, thẩm quyền: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng vay tài sản là tiền đã ký kết giữa hai bên, do đó nên xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động dân sự theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thụ lý vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ Điều 26, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án đề nghị :

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu ông Q, bà T phải trả cho ông H số tiền nợ gốc và nợ lãi T đến ngày xét xử. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Q, bà T phải trả cho ông H số tiền 17.100.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền gốc và lãi T đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện Thủy Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần nhưng bị đơn tiếp tục có đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do để thu thập, cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Xét việc hoãn phiên tòa là không cần thiết gây kéo dài việc giải quyết vụ án nên căn cứ

vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ T đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/11/2022 đến ngày 17/01/2023, ông Khoa Mạnh H có nhiều lần chuyển khoản cho vợ chồng bà T, ông Q vay tổng số tiền là 2.904.600.000 đồng, ngày 17/01/2023 bà T ông Q đã trả cho ông H số tiền là 1.000.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 1.904.600.000 đồng, tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 17.100.000 đồng là khoản phí dịch vụ hành chính nằm trong số tiền 54.600.000 đồng và yêu cầu Tòa án buộc ông bà T, Q phải trả cho ông H tổng số tiền là 2.158.989.726 đồng T đến ngày 26/6/2024, gồm: Tiền nợ gốc là 1.887.500.000 đồng; tiền lãi chậm trả cho số ngày chậm trả 366 ngày (tạm T từ ngày 18/01/2023 đến ngày 26/6/2024) với mức lãi suất 10%/năm là $= 1.887.500.000 \text{ đồng} \times (10\%/365) \times 525$ (số ngày chậm trả) = 271.489.726 đồng. Hội đồng xét xử nhận định việc vay nợ đã được các bên chuyển giao cho nhau làm nhiều lần và được xác nhận qua zalo của cả hai bên, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án các bên cũng thừa nhận quá trình vay nợ như trên. Các bên thoả thuận trên cơ sở tự nguyện và được hai bên thừa nhận, đến nay ông Q bà T chưa trả được khoản nợ trên nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Khoa Mạnh H.

Đối với số tiền chuyển khoản ngày 18/12/2022, sau khi thoả thuận ông Khoa Mạnh H đã chuyển khoản cho bà T ông Q vay số tiền 54.600.000 đồng để nộp tiền thuê nhà đất. Số tiền này ông H chuyển khoản từ số tài khoản 02111018689999 mở tại Ngân hàng mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) đến số tài khoản 19030241639026 của anh Đào Nam Hải (người thực hiện thủ tục hành chính sang tên cho bà T ông Q) mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Bà T ông Q chỉ nhận được giấy chuyển tiền thuê là 37.500.000 đồng nên không đồng ý với số tiền trên mà chỉ chấp nhận số tiền 36.000.000 đồng. Anh Đào Hải Nam xác nhận có nhận của ông Khoa Mạnh H số tiền 54.600.000 đồng do ông H chuyển khoản cho anh để uỷ quyền làm dịch vụ sang tên bìa cho nhà ông Q và bà T. Sau khi nhận tiền anh có đóng thuế để sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị T số tiền 37.500.000 đồng còn lại 17.100.000 đồng anh vẫn đang cầm của ông H. Số tiền này anh sẽ tự giải quyết với ông H sau, không liên quan gì đến vợ chồng ông Q và bà T. Ngoài tài liệu và lời khai trên hai bên không đưa ra được các tài liệu khác để chứng minh cho yêu cầu của mình nên có cơ sở chấp nhận ông Khoa Mạnh H có cho chị T, anh Q vay số tiền 37.500.000 đồng nên chị T anh Q phải có trách nhiệm trả nợ số tiền trên.

[3] Đối với yêu cầu lãi suất: Ông H yêu cầu anh chị T Q phải chịu lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do các bên không có thoả thuận cụ thể về lãi suất nên đủ cơ sở để chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của bà T và ông Q cho rằng đã trả 1.200.000.000 đồng bằng cách đối trừ tiền chuyển nhượng nhà đất tại Khu đô thị mới xã Đồng Xá, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Số nợ của ông bà chỉ còn nợ ông H là 650.000.000 đồng và thoả thuận chuyển nhượng lô đất ở khu Gò Gai nhưng bà T và ông Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không có cơ sở để chấp nhận. Sau này thu thập được chứng cứ, bà T ông Q có thể yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Đối với yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền 17.100.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy việc rút một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Khoa Mạnh H: Buộc bị đơn là bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải trả cho ông Khoa Mạnh H số tiền nợ cả gốc và lãi T đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/6/2024 là 2.158.989.726 (*Hai tỉ, một trăm năm mươi tám triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm hai sáu*) đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Khoa Mạnh H đối với bà Trần Thị T ông Nguyễn Văn Q số tiền 17.100.000 (*Mười bảy triệu, một trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn Q phải chịu số tiền 75.180.000 (*Bảy mươi năm triệu, một trăm tám mươi nghìn*) đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nam Ninh

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải phòng;
- VKSND huyện Thủy nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Ninh